

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS - ST
Ngày: 11 - 02 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự góp họ (hụi)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST - DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)*” ngày 24/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị H – Sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M (có mặt) và ông Võ Văn Q (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà H là nguyên đơn trình bày:

Nguyên tôi có tham gia chơi hụi do bà M - ông Q làm chủ và hoàn thành nghĩa vụ nộp hụi; sau khi các dây hụi mãn số tiền tôi phải được lĩnh là 181.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn lại 161.000.000 đồng. Ngoài ra do tôi nhầm lẫn tính toán nên theo đơn khởi kiện số tiền nợ gốc thể hiện 163.000.000 đồng là chưa chính xác, tôi xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà M - ông Q trả 161.000.000 đồng tiền hụi còn nợ. Tất cả 06 dây hụi tôi tham gia, có 5 dây đã mãn. Riêng dây hụi ngày 29/01/2017 (al), bà M đã ngừng gom hụi, hiện chỉ còn trong quá trình thu và trả nợ cho các hụi viên.

Tại bản khai và tại phiên tòa bà M là bị đơn trình bày:

Tôi thống nhất con số nợ gốc mà chúng tôi còn nợ bà H là 181.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn lại 161.000.000 đồng. Chúng tôi đề nghị được chia ra nhiều trả, mỗi năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trong 06 dây hụi bà H khởi kiện có 1 dây hụi ngày 29/01/2017 (al) hiện chưa mãn, tôi thống nhất dây hụi này đã chấm dứt, không còn duy trì.

Bà H là nguyên đơn trình bày:

Tôi không đồng ý với ý kiến bà M về phương thức trả nợ. Tôi đề nghị bà M - ông Q trả một lần.

Tại bản khai ông Võ Văn Q xác định như sau: Thống nhất con số nợ gốc mà vợ chồng còn nợ bà H là 181.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn lại 161.000.000 đồng. Ông đề nghị được chia ra nhiều trả, mỗi năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà M - ông Q phải trả tiền họ (hụi) . Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Mai - ông Q là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: bà H và bà M - ông Q cùng thống nhất các bên có tham gia giao dịch dân sự góp họ (hụi) do bà M - ông Q làm chủ và ông bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của các bà H. Đồng thời các bên cùng xác định các dây hụi hiện nay đều đã mãn và chấm dứt. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định việc hai bên tham gia giao dịch dân sự góp họ với nhau là sự thật. Hợp đồng dân sự góp họ là sự thỏa thuận của những người tham gia góp họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Cho nên, những người tham gia góp họ phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận và phải phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự góp họ.

Tại phiên Tòa các bên đã thống nhất số tiền hụi mà bà M - ông Q còn nợ bà H là 161.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H và bà M - ông Q không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức thanh toán.

Hội đồng xét xử thấy rằng các dây hụi hiện nay đều đã chấm dứt việc nhưng bà M - ông Q là chủ hụi không thực hiện đúng việc giao trả tiền hụi cho các hụi viên tham gia là vi phạm Điều 471 của Bộ luật Dân sự; vi phạm trách nhiệm của thành

2. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.025.000 đồng (bốn triệu không trăm linh năm nghìn đồng).. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M - ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 161.000.000 đồng x 5% = 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Năng